

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGOẠI NGỮ

BÁO CÁO CÔNG KHAI
Năm học 2025–2026

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1. Tên trường: Trường Trung học phổ thông chuyên Ngoại ngữ (Trường THPT chuyên Ngoại ngữ) - Foreign Language Specialized School (FLSS).

2. Địa chỉ, điện thoại, thư điện tử, cổng thông tin điện tử:

- Địa chỉ: Số 02 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Điện thoại: +84 243 754 9958.

- Email: info@flss.edu.vn.

- Cổng thông tin điện tử: <https://flss.vnu.edu.vn/>.

3. Loại hình của Nhà trường, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp: Trường Trung học phổ thông Chuyên Ngoại ngữ (Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ).

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

- Sứ mệnh: Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ đào tạo học sinh giỏi ngoại ngữ trên cơ sở vững vàng kiến thức văn hóa phổ thông; học sinh được phát triển toàn diện về nhân cách và trang bị các kỹ năng mềm cơ bản.

- Tầm nhìn: Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ phát triển thành một cơ sở giáo dục trung học chất lượng cao; tiếp cận với trình độ tiên tiến trong khu vực; đi đầu trong việc triển khai các phương pháp dạy và học ngoại ngữ ở bậc phổ thông. Trường nằm trong top 10 trường THPT có điểm thi tốt nghiệp trung bình cao nhất cả nước.

- Mục tiêu chung: Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có tư chất thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập và rèn luyện; đào tạo học sinh giỏi ngoại ngữ, tạo nguồn nhân tài ngoại ngữ cho đất nước trên cơ sở bảo đảm giáo dục toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, kỹ năng sống và các môn văn hóa bậc phổ thông chất lượng cao.

- Giá trị cốt lõi

Trường coi trọng hình thành, phát triển ở học sinh 7 phẩm chất chủ yếu và 10 năng lực cốt lõi gồm:

+ 7 phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm, tự trọng, chăm chỉ, kỉ luật.

+ 10 năng lực cốt lõi:

- Nhóm năng lực chung:
 - Năng lực thấu hiểu bản thân, tự chủ và tự học
 - Năng lực giao tiếp, hợp tác và lãnh đạo
 - Năng lực giải quyết vấn đề, năng động và sáng tạo
- Nhóm năng lực chuyên môn:
 - Năng lực ngôn ngữ
 - Năng lực tính toán
 - Năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội
 - Năng lực công nghệ
 - Năng lực tin học
 - Năng lực thẩm mỹ
 - Năng lực thể chất

Các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi được quy định trong Khung phẩm chất và năng lực học sinh Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ (Chân dung học sinh THPT Chuyên Ngoại ngữ).

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường có nguồn gốc từ các lớp phổ thông chuyên ngoại ngữ được thành lập ngày 28/6/1969 theo Quyết định số 488/KH của Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

Năm 1990, Hiệu trưởng Trường ĐHSP Ngoại ngữ Hà Nội ra quyết định thành lập Trường Phổ thông Chuyên Ngoại ngữ trên cơ sở các lớp PTCNN.

Năm 2009, Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ được chính thức thành lập theo quy chế trường chuyên mới theo Quyết định số 1844/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội.

Năm 2021, TS. Nguyễn Phú Chiến được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng.

Năm 2022, Trường triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với học sinh lớp 10 K54.

Năm 2024, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quyết định số 4256/QĐ-ĐHQGHN ngày 13 tháng 9 năm 2024 quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Trung học phổ thông chuyên Ngoại ngữ trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Hiệu trưởng: TS. Nguyễn Phú Chiến
- Địa điểm làm việc: Phòng 103, Trường THPT chuyên Ngoại ngữ, số 02 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại: 0243.754.9958

- Thư điện tử: Info@flss.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Các quyết định

- Quyết định thành lập trường: Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập trường Trung học phổ thông chuyên ngoại ngữ thuộc trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 1968/QĐ-ĐHNN ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 1248/QĐ-ĐHNN ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 4436/QĐ-ĐHNN ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

7.2. Cơ cấu tổ chức:

1. Ban Giám hiệu

2. Tổ Văn phòng

3. Các Tổ chuyên môn:

a. Tổ Tự nhiên

b. Tổ Xã hội

c. Tổ Ngoại ngữ

4. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh

5. Các lớp học, khối lớp.

6. Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng giáo dục và các hội đồng tư vấn khác.

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Quyết định số 4256/QĐ-ĐHQGHN ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Trung học phổ thông chuyên Ngoại ngữ trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ.

- Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, ban hành kèm theo nghị quyết số 2939/NQ-HĐT ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

- Quy chế làm việc tại Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, ban hành kèm theo quyết định số 2966/QĐ-ĐHNN ngày 12 tháng 06 năm 2025 của trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

- Đề án xây dựng hệ thống các giải pháp giữ chân, thu hút và hỗ trợ đội ngũ giảng viên trình độ cao tại Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN ban hành kèm theo quyết định số 299/QĐ-ĐHNN ngày 02/01/2024 của trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

- Quyết định số 268/QĐ-PTCNN ngày 28 tháng 8 năm 2022 của Trường THPT chuyên Ngoại ngữ về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

- Quy chế chi tiêu nội bộ

III. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động

1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2026-2027

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập. Tính đến thời điểm tháng 9 năm 2026 nhà trường có 110 giáo viên, tỉ lệ 1.9 giáo viên/ lớp, đảm bảo đủ số lượng giáo viên cho tất cả các môn học. Giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo. 100% giáo viên của nhà trường đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Đạt trở lên.

Đội ngũ	SL	Giới tính		Đăng viên	Trình độ chuyên môn					Hợp đồng			
		Nam	Nữ		TS	ThS	ĐH	TC	SC	BC	HĐ>12 th	HĐ<12 th	KV
1. BGH	3	1	2	3	3	0	0	0	0	03	0	0	0
2. Tổ Ngoại ngữ	36	0	36	17	0	36	0	0	0	28	8	0	0
3. Tổ Tự nhiên	35	9	26	14	5	26	4	0	0	26	1	8	0
4. Tổ Xã hội	27	7	20	14	3	19	5	0	0	20	1	6	0
5. Tổ Văn phòng	9	4	5	4	0	4	3	2	0	7	1	1	0
Tổng số	110	21	89	52	11	85	12	2	0	84	11	15	0

CBGVNV	Tổng	Nữ	Dân tộc	Đạt chuẩn
Hiệu trưởng	01	0	0	01
Phó Hiệu trưởng	02	02	0	02
Giáo viên	98	82	0	98
Nhân viên	09	05	0	09

Ngoài ra, Trường có đội ngũ chuyên gia, giáo viên thỉnh giảng giỏi chuyên môn, vững nghiệp vụ từ các bộ môn, các khoa đào tạo trong Trường Đại học Ngoại ngữ, giáo viên người bản ngữ và các chuyên gia trong và ngoài ĐHQGHN đến giảng dạy và tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục

2. Cơ sở vật chất

2.1. Diện tích

Trường THPT chuyên Ngoại ngữ thuộc trường ĐHNN, ĐHQGHN có diện tích 3986m², có khuôn viên riêng, có cổng trường, biển tên trường, tường và hàng rào bao quanh đảm bảo theo đúng quy định. Khuôn viên của nhà trường đảm bảo mỹ quan, khoa học hợp lý, đồng thời, trường cũng có biển ngữ, bảng Led thể hiện được thương hiệu của trường THPT Chuyên Ngoại ngữ. Trường có sân chơi trong khuôn viên và bãi tập thể thao tại khu liên hợp thể thao Đại học Ngoại ngữ với trang thiết bị và cơ sở vật chất hiện đại, gồm có 1 sân bóng chuyên, 1 sân bóng rổ, 1 nhà thi đấu đa năng, 1 sân vận động và 2 sân đá bóng đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định khác đáp ứng nhu cầu học tập các môn giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh.

Phòng học tập	Số phòng	Diện tích (1 phòng)
Phòng học chính	41	48 m ²
Phòng học phụ	12	24 m ² (11 phòng) 36 m ² (01 phòng)
Phòng học bộ môn		
Phòng TN Vật lý	01	48 m ²
Phòng TN Hóa học	01	48 m ²
Phòng Tin học	02	48 m ²
Phòng Âm nhạc	01	48 m ²
Khối phòng hành chính quản trị		
Phòng Hiệu trưởng	01	24 m ²
Phòng Phó Hiệu trưởng	02	24 m ²
Văn phòng	01	48 m ²
Phòng Giám thị	01	12 m ²
Kho	01	24 m ²
Phòng truyền thống	01	24 m ²

Phòng tâm lý học đường	01	24 m2
Bãi tập GDTC	01	3000 m2
Nhà thể chất	01	250 m2
Phòng y tế	01	24 m2
Homies tầng 1	01	90 m2
Homies tầng 5	01	110 m2
Hội trường tầng 5	01	150 m2
Phòng Hội đồng	01	72 m2

2.2. Trang thiết bị học tập

Mỗi phòng học chính có diện tích 48m2 được trang bị có 01 bộ bàn ghế giáo viên, 26 bộ bàn ghế học sinh ghế rời nhau thuận tiện cho các hoạt động giáo dục, 12 đèn tuýp/1 phòng, các phòng học được trang bị hệ thống âm thanh, 01 máy chiếu, 02 điều hòa và hệ thống quạt hoạt động tốt, đủ ánh sáng an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học. Ngoài ra mỗi phòng học có 1 bảng lớp kích thước 3,6mx1,2m, loại bảng chống lóa, màu sắc và cách treo bảng phù hợp với từng lớp học, có kẻ thêm các ô li để giáo viên và học sinh viết chữ đúng mẫu.

Mỗi phòng học phụ được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng, hệ thống đèn, hệ thống quạt, 02 điều hòa, 01 máy chiếu và các thiết bị của riêng phòng học đó đáp ứng theo tiêu chuẩn và hướng dẫn của Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT. Đặc biệt là các phòng học đều được trang bị hệ thống loa tổng và loa đài di động để có thể học ngoại ngữ ngay tại phòng học. Do vậy mà 12 phòng học của nhà trường đều được sử dụng là phòng học ngoại ngữ.

STT	THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
Phòng Tin học 402			
1	Điều hòa	Chiếc	03
2	Máy chiếu	Chiếc	01
3	Máy tính	Chiếc	25
4	Bàn ghế giáo viên	Bộ	01
5	Bàn máy	Chiếc	20
6	Quạt trần	Chiếc	03
Phòng Tin học 411			
1	Điều hòa	Chiếc	02
2	Máy chiếu	Chiếc	01
3	Máy tính xách tay	Chiếc	26

4	Bàn ghế giáo viên	Bộ	01
5	Bàn ghế học sinh	Bộ	24
6	Quạt trần	Chiếc	04
Phòng TN Hóa học			
1	Quạt trần	Chiếc	04
2	Quạt treo tường	Chiếc	02
3	Bộ bàn thí nghiệm	Bộ	08
4	Các dụng cụ phục vụ thí nghiệm		
5	Bàn ghế giáo viên	Bộ	01
Phòng TN Vật lý			
1	Điều hòa	Chiếc	01
2	Quạt trần	Chiếc	06
3	Bộ bàn thí nghiệm	Bộ	08
4	Các dụng cụ phục vụ thí nghiệm		
5	Bàn ghế giáo viên	Bộ	03
Phòng Âm nhạc			
1	Điều hòa	Chiếc	02
2	Trống	Bộ	01
3	Đàn Piano điện	Chiếc	18
4	Ghita	Chiếc	06
5	Quạt trần	Chiếc	04
Phòng Y tế			
1	Điều hòa	Chiếc	01
2	Quạt trần	Chiếc	01
3	Máy tính	Chiếc	01
4	Tủ y tế	Chiếc	01
5	Giường y tế	Chiếc	01

Danh mục sách giáo khoa Trường THPT chuyên Ngoại ngữ năm học 2026 – 2027 được quy định theo Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. Kiểm định chất lượng giáo dục

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2022-2023

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả		
	Đạt mức 1	Đạt mức 2	Đạt mức 3
Tiêu chuẩn 1			
Tiêu chí 1.1	x	x	x
Tiêu chí 1.2	x	x	

Tiêu chí 1.3	x	x	x
Tiêu chí 1.4	x	x	x
Tiêu chí 1.5	x	x	x
Tiêu chí 1.6	x	x	x
Tiêu chí 1.7	x	x	
Tiêu chí 1.8	x	x	
Tiêu chí 1.9	x	x	
Tiêu chí 1.10	x	x	
Tiêu chuẩn 2			
Tiêu chí 2.1	x	x	x
Tiêu chí 2.2	x	x	x
Tiêu chí 2.3	x	x	x
Tiêu chí 2.4	x	x	x
Tiêu chuẩn 3			
Tiêu chí 3.1	x	x	x
Tiêu chí 3.2	x	x	x
Tiêu chí 3.3	x	x	x
Tiêu chí 3.4	x	x	
Tiêu chí 3.5	x	x	x
Tiêu chí 3.6	x	x	x
Tiêu chuẩn 4			
Tiêu chí 4.1	x	x	x
Tiêu chí 4.2	x	x	x
Tiêu chuẩn 5			
Tiêu chí 5.1	x	x	x
Tiêu chí 5.2	x	x	x
Tiêu chí 5.3	x	x	
Tiêu chí 5.4	x	x	
Tiêu chí 5.5	x	x	x
Tiêu chí 5.6	x	x	x

2. Danh mục chương trình đã được kiểm định

STT	Hạng mục	Tên chương trình	Số quyết định
1	Công nhận đạt chuẩn quốc gia	Đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	QĐ số 146/QĐ-SGDĐT ngày 18/01/2023 của Sở GD&ĐT Hà Nội
2	Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3	QĐ số 120/QĐ-SGDĐT ngày 13/01/2023 của Sở GD&ĐT Hà Nội

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

1.1. Thông tin tuyển sinh

- Thông báo tuyển sinh của nhà trường năm 2026 được công khai trên website (<https://flss.vnu.edu.vn/thong-bao-so-1-ve-viec-tuyen-sinh-lop-10-truong-thpt-chuyen-ngoai-ngu-nam-2026/>)

- Quyết định số 414/QĐ-ĐHNN về việc ban hành cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 Trường Trung học phổ thông chuyên Ngoại ngữ năm 2026 (<https://flss.vnu.edu.vn/ban-hanh-cau-truc-de-thi-tuyen-sinh-vao-lop-10-truong-trung-hoc-pho-thong-chuyen-ngoai-ngu-nam-2026/>).

1.2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

- Khung chương trình giáo dục của Trường thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông được quy định trong Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông. Đối với môn Ngoại ngữ 2, học sinh được lựa chọn giữa các thứ tiếng: Anh, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn, Tây Ban Nha, Ý.

- Bên cạnh đó, nhà trường đưa vào giảng dạy một số môn học đặc thù, nâng cao nhằm mục tiêu: phát triển toàn diện năng lực ngôn ngữ và tư duy cho học sinh, từ đó hình thành khả năng phân tích, cảm nhận cái đẹp và nuôi dưỡng đời sống tinh thần; bồi dưỡng tư duy khoa học, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề thông qua giáo dục STEAM, giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; hình thành và phát triển văn hóa đọc bền vững, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu và mở rộng tri thức; tăng cường năng lực sử dụng tiếng Anh ở trình độ nâng cao, hướng tới khả năng học tập, giao tiếp và hội nhập quốc tế; đồng thời rèn luyện kỹ năng thuyết trình, phản biện và giao tiếp học thuật, góp phần xây dựng sự tự tin, bản lĩnh và năng lực trình bày ý tưởng một cách logic, thuyết phục trong các bối cảnh học tập và đời sống.

- Học sinh cũng được tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế, các câu lạc bộ giúp gắn kết kiến thức học tập với đời sống, tăng cường khả năng vận dụng vào các tình huống thực tiễn; đồng thời phát triển kỹ năng mềm như làm việc nhóm, giao tiếp, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Thông qua các hoạt động này, học sinh có cơ hội khám phá bản thân, định hướng nghề nghiệp sớm, nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và hình thành phẩm chất chủ động, sáng tạo, thích ứng với bối cảnh hội nhập.

1.3. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

- Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh năm học 2025-2026

Tổng số HS	Kết quả học tập		Kết quả rèn luyện		Danh hiệu	
	Tốt	Khá	Tốt	Khá	HSGXS	HSG
2014	2009 99.75%	05 0.25%	2013 99.95%	01 0.05%	1894 94.04%	114 5.66%

- 100% học sinh khối 12 được công nhận hoàn thành chương trình THPT.

- Thành tích các kì thi chọn Học sinh giỏi

Năm học	Cuộc thi	Thành tích
2025-2026	Kỳ thi Chọn Học sinh giỏi Quốc gia	38 giải (03 Nhất, 09 Nhì, 14 Ba, 12 Khuyến khích)
	Kỳ thi HSG Duyên hải và ĐBBB	28 giải (04 Vàng, 10 Bạc, 9 Đồng, 5 KK)

- Các thành tích khác

STT	Lớp	Họ và tên		Thành tích	
1	10A3	Trần Lý Hà Giang		Giải Nhì Festival Taekwondo Hà Nội mở rộng – Cúp Thăng Long lần thứ II năm 2026	
2	11A9	Nguyễn Linh Chi		9.0 IELTS	
3		Trần Hoàng Lê Thành			
4	10H	Phạm Thuỷ Tiên	02 Giải xuất sắc khối 10 vòng thi mùa đông và mùa hè	Cuộc thi IOK (Olympic Tiếng Hàn trên Internet - Cuộc thi đánh giá năng lực tiếng Hàn trực tuyến dành riêng cho học sinh phổ thông tại Việt Nam)	
5	11H	Vũ Thảo My	Giải Vàng - Xuất sắc khối 11 vòng thi mùa hè		
6		Nguyễn Châu Anh	Giải Bạc khối 11 vòng thi mùa hè		
7		Dương Gia Bảo	Giải Đồng khối 11 vòng thi mùa hè		
8	12B	Nguyễn Doãn Xuân Nhi	Giải Bạc khối 12 toàn quốc vòng thi mùa hè		
9	11D1	Nguyễn Phạm Bảo Châu	Giải Nhất	Cuộc thi hùng biện tiếng Nhật do trường Quốc tế Nhật Bản (JIS) tổ chức	
10		Phạm Duy Đạt	Giải Ba		
11			Trần Tiến Đoàn		Cuộc thi Kịch ngắn bằng tiếng Nhật toàn quốc do Trung tâm Giao lưu Văn hoá Nhật Bản tại
			Phạm Duy Đạt		

	11D2	Phan Duy Minh	Đội Giải Nhất	Việt Nam phối hợp với ULIS tổ chức
		Hán Nguyễn Bình Nguyên		
		Nguyễn Duy Gia Hiền		
12	11E2	Hoàng Trọng Nhân		Huy chương bạc Cuộc thi Festival Piano Talent toàn quốc
13	12A8	Đặng Thị Thanh Mai		SAT 1600
14	12B	Nguyễn Phương Linh	Giải Chiến thắng	Cuộc thi Olympic tiếng Nga dành cho học sinh Việt Nam năm 2026 do Trung tâm Khoa học và Văn hoá Nga tại Hà Nội tổ chức
15		Nguyễn Trí Đức	Giải Chiến thắng	